

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS - ST
Ngày: 17 - 4 - 2019.
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Thái.

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2018/TLST - DS, ngày 07/12/2018 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST - DS, ngày 08/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Kim H, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ đăng ký thường trú: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ cư trú hiện nay: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ đăng ký thường trú: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ cư trú hiện nay: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Kim H trình bày: Bà có cho ông Nguyễn Văn L vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 23/11/2017DI cho vay 375.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là tháng 4/2018DI, ông L có đóng lãi được số tiền là 31.200.000 đồng thì không đóng nữa và không trả tiền vốn; ngày 09/10/2017AI cho vay 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là 01 tháng, ông L không có đóng lãi và không trả tiền vốn; ngày 24/01/2018AL cho vay 80.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn trả là 01 tháng, ông L không có đóng lãi và không trả tiền vốn. Tổng số tiền ông L vay của bà là 605.000.000 đồng, đến hạn trả nợ bà đòi nhiều lần nhưng ông L không trả. Nay bà yêu cầu ông L phải cho bà số tiền vay trong đó tiền vốn là 605.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 01/5/2018DL cho đến khi xét xử theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông có vay tiền của bà Ngô Kim H nhiều lần, cụ thể: Vào tháng 02/2016AI (không nhớ ngày) vay 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng, sau khi vay ông đóng lãi được 22 tháng (từ tháng 02/2016AI đến tháng 01/2018AI) là 110.000.000 đồng, sau đó thì không đóng nữa và chưa trả tiền vốn; ngày 09/10/2017AI vay 150.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, sau khi vay khoảng 07 ngày thì ông đã trả xong tiền vốn và có đóng lãi được 2.000.000 đồng; vào năm 2017AI (không nhớ ngày tháng) vay 275.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn 03 tháng, sau khi vay ông có đóng lãi được 10 tháng số tiền là 165.000.000 đồng, chưa trả tiền vốn; ngày 24/01/2018AI vay 80.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng, số tiền này ông không có đóng lãi và chưa trả tiền vốn. Nay ông thừa nhận còn nợ bà H số tiền vay là 455.000.000 đồng và đồng ý liên đới cùng bà P là vợ ông trả nợ cho bà H nhưng do những người nợ ông chưa trả tiền cho ông nên ông chưa có tiền trả cho bà H, khi nào những người này trả nợ cho ông thì ông sẽ trả cho bà H, mục đích ông vay tiền là để cho vay lại lấy tiền lãi phục vụ phát triển kinh tế và tiêu xài trong gia đình, vợ ông là bà P cũng viết việc này. Số tiền lãi ông đã đóng vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật ông yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng P trình bày: Bà đồng ý cùng ông Nguyễn Văn Linh trả nợ cho bà Hòa như yêu cầu của ông Kinh, số tiền ông Linh vay và cho người khác vay lại thì bà cũng biết.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Hồng P phải liên đới hoàn trả cho bà Ngô Kim H số tiền vay trong đó tiền vốn là 605.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 01/5/2018 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ngô Kim H và ông Nguyễn Văn L có thiết lập nhiều hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, mặc dù lời khai của bà H và ông L có khác nhau về thời gian vay, thời gian trả nợ, mức lãi suất và số tiền của từng lần vay nhưng tổng kết lại thì số tiền của các lần vay theo lời khai của các bên đều thống nhất với nhau là 605.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông L và bà P liên đới hoàn trả số tiền vốn là 605.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 01/5/2018DI cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, trong quá trình giải quyết vụ án ông L cho rằng đã trả cho bà H tiền vốn 150.000.000 đồng của lần vay ngày 09/10/2017AI và yêu cầu xem xét lại phần lãi mà ông đã đóng vượt quá quy định của pháp luật. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, căn cứ vào xác nhận của Công an xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị đơn ông Nguyễn Văn L đang sinh sống tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào thời gian thiết lập các hợp đồng vay tài sản và sự thỏa thuận của hai bên về quá trình thực hiện hợp đồng thì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt ông L, bà P.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với hợp đồng vay ngày 09/10/2017AI số tiền vay là 150.000.000 đồng các đương sự thống nhất với nhau về thời gian vay, số tiền vay tuy nhiên không thống nhất với nhau về lãi suất và việc thanh toán nợ, bà H cho rằng ông L chưa trả tiền vốn và không có đóng lãi, bị đơn ông L cho rằng đã đóng lãi được 2.000.000 đồng và đã trả xong tiền vốn, yêu cầu xem xét lại phần lãi đã đóng vượt quá quy định của pháp luật. Xét thấy ông L đã thừa nhận có vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng, việc ông L cho rằng đã đóng lãi và trả xong tiền vốn không được bà H thừa nhận, ông L không có chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, do đó xác định ông L còn nợ bà H số tiền 150.000.000 đồng và không có cơ sở để xác định ông L có đóng lãi cho bà H nên không xem xét lại phần lãi đã đóng vượt quá quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng vay ngày 24/01/2018AI số tiền vay là 80.000.000 đồng ông L thừa nhận số tiền trên chưa trả cho bà H và cũng không có đóng lãi, do đó có căn cứ để xác định ông L còn nợ bà H số tiền 80.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng vay theo như lời trình bày của bà H vào ngày 23/11/2017Dl số tiền vay 375.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng và ông L có đóng lãi được 02 tháng số tiền là 31.200.000 đồng thì ông L cho rằng số tiền 375.000.000 đồng nêu trên ông vay 02 lần, lần thứ nhất vào tháng 02/2016Al (không nhớ ngày) vay 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng, ông L có đóng lãi được 22 tháng (từ tháng 02/2016Al đến tháng 01/2018Al) số tiền 110.000 đồng và lần thứ hai vào năm 2017Al (không nhớ ngày tháng) vay 275.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng, có đóng lãi được 10 tháng số tiền 165.000.000 đồng. Xét thấy mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về thời gian vay nhưng số tiền vay thì đã thống nhất với nhau là 375.000.000 đồng và số tiền này ông L chưa trả cho bà H nên có căn cứ xác định ông L còn nợ bà H số tiền 375.000.000 đồng. Về việc đóng lãi theo như lời trình bày của ông L thì bà H chỉ thừa nhận số tiền 375.000.000 đồng ông L có đóng lãi được 31.200.000 đồng. Mặc dù mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo như lời trình bày của bà H hay của ông L đều vượt quá mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự tuy nhiên xét về thời hạn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông L nếu tính theo lời trình bày của bà H hay của ông L thì việc tính lãi suất trên số tiền vốn vay tương ứng với thời gian chậm trả nợ của ông L theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự thì số tiền lãi mà ông L đã đóng được bà H thừa nhận là không vượt quá quy định để được xem xét lại phần lãi đã đóng và khấu trừ vào tiền vốn vay. Do đó yêu cầu của ông L là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên có căn cứ để xác định ông L còn nợ bà H số tiền vốn vay là 605.000.000 đồng và việc ông L vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ đúng hạn như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà H, việc ông L yêu cầu khi nào ông thu hồi được nợ của những người nợ ông thì sẽ trả tiền cho bà H không được bà H chấp nhận và khi thiết lập các hợp đồng vay các bên cũng không có thỏa thuận về điều kiện trả nợ này. Do đó Hội đồng xét xử không thể thỏa mãn yêu cầu của ông L, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H số tiền vốn vay 605.000.000 đồng là phù hợp. Đối với yêu cầu của bà H về việc tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định (0,75%/tháng) của số tiền vốn 605.000.000 đồng từ ngày 01/5/2018DL đến ngày xét xử là có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (tính theo thời gian vi phạm như lời trình bày của bà H hay của ông L thì thời gian từ ngày 01/5/2018Dl ông L đều vi phạm nghĩa vụ trả nợ của tất cả các hợp đồng vay), mức lãi suất bà H yêu cầu là phù hợp với giới hạn lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi được tính như sau: 605.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 11 tháng 16 ngày, thành tiền là 52.332.500 đồng.

[4] Đối với bà Nguyễn Hồng P là vợ ông L mặc dù không trực tiếp tham gia thiết lập hợp đồng vay tài sản với bà H, tuy nhiên việc ông L vay tiền bà P biết và mục đích vay là để cho vay lại lấy tiền lãi phục vụ phát triển kinh tế và tiêu xài trong gia đình, bà P cũng đồng ý cùng ông L trả nợ, do đó căn cứ vào Điều 27, 37

Luật Hôn nhân và gia đình, buộc bà Nguyễn Hồng P phải liên đới cùng với ông L trả nợ cho bà H số tiền vay trong đó tiền vốn là 605.000.000 đồng, tiền lãi là 52.332.500 đồng là phù hợp.

[5] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Hồng P phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 30.293.000 đồng.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án mà bà Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim H.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Hồng P phải liên đới hoàn trả cho bà Ngô Kim H số tiền vay trong đó tiền vốn là 605.000.000 đồng, tiền lãi là 52.332.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Hồng P phải liên đới nộp số tiền 30.293.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Ngô Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.100.000 theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện